

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Hằng N1, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Trọng N2, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn bà Trần Hằng N1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng N2 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Trọng N2 không lo làm ăn, không lo cho vợ con; cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, sự yêu thương quan tâm nhau không có. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, sự chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng không có, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2. Trong quá trình chung sống bà và ông N2 có một người con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2018, con chung do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng N2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông N2 vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hằng N1. Cho bà Trần Hằng N1 ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2, giao con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Hằng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2 và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Hằng N1 là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Hằng N1. Ông Nguyễn Trọng N2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng N2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hằng N1 với ông Nguyễn Trọng N2 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Trần Hằng N1 và ông Nguyễn Trọng N2 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà N1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Trọng N2. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho ông Nguyễn Trọng N2 nhiều lần để tham gia xét xử nhưng ông Nguyễn Trọng N2 vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Hằng N1. Bà N1 cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng không hòa hợp, không chia sẻ, quan tâm chăm sóc nhau, ông N2 không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn

nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Hằng N1 với ông Nguyễn Trọng N2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Hằng N1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng N2.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Hằng N1 với ông Nguyễn Trọng N2 có một người con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2018 con chung do bà N1 đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà N1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Trọng N2 nhưng ông N2 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con chung của bà N1. Xét thấy, từ khi bà N1 và ông N2 không còn chung sống đến nay con chung do bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2018 cho bà Trần Hằng N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trọng N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Bà N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Hằng N1 và ông Nguyễn Trọng N2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Hằng N1 phải chịu 300.000đ, bà N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Hằng N1 và ông Nguyễn Trọng N2.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 03 năm 2018 cho bà Trần Hằng N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trọng N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Hằng N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0017919 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Triều**